

Bản án số: 44 /2021/HS-PT
Ngày: 26-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/2021/HSPT ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thanh N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C

- Bị cáo có kháng cáo: NGUYỄN THANH N

Sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp K , xã P , huyện G , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bé T; tiền án: không; tiền sự: ngày 03 tháng 10 năm 2019 bị Công an xã P , huyện G , tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với số tiền 150.000 đồng, đã nộp phạt vào ngày 03/10/2019; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Nghệ A – Văn phòng luật sư Nguyễn Nghệ A – Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết chị Chung Thị H thiếu tiền của vợ chồng Nguyễn Công Kh và Tạ Trần Thu Th (chủ nhà nghỉ Thu Th) lâu chưa trả nên Nguyễn Thanh N nảy sinh ý định tìm chị H để yêu cầu chị H trả nợ cho K và T . Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14 tháng 3 năm 2020 N đi xe honda ôm lưu thông trên đường Nguyễn Thị Định thuộc xã Ph , thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre thì gặp chị H đang điều khiển xe mô tô

biển kiểm soát x , N kêu người xe ôm ép vào xe chị H , chị H dừng xe lại bên đường, N lên xe của chị H và buộc chị H chở đến nhà nghỉ Thu Th bắt chị H trả nợ cho K và T . Khi đến nơi chỉ có T ở nhà, T kiểm tra sổ thấy chị H còn thiếu 3.800.000 đồng nên yêu cầu chị H trả, do không có tiền nên chị H xin trả góp mỗi ngày 50.000 đồng nhưng không được T đồng ý. Lúc này, N lớn tiếng chửi mắng, dùng tay đánh vào nón bảo hiểm của chị H đang đội trên đầu nhiều cái, uy hiếp tinh thần buộc chị H trả nợ cho T . Thấy vậy, T kêu N đi ra ngoài để T nói chuyện với chị H . Trong lúc T và chị H đang nói chuyện thì N đi vào lấy ống nhựa trên bàn tròn gỗ vào nón bảo hiểm chị H đang đội trên đầu nhiều cái và lớn tiếng buộc chị H đưa giỏ xách của chị H cho N . Do sợ bị N đánh nên chị H đưa giỏ xách cho N . Sau khi xem, N tự ý lấy số tiền 450.000 đồng, cọc vé số và điện thoại di động không rõ N nhãn hiệu của chị H . Một lúc sau, chị H định lấy xe mô tô biển kiểm soát x ra về thì N lớn tiếng hăm dọa yêu cầu chị H để xe mô tô lại, trả cọc vé số cho chị H rồi kêu xe ôm chở chị H về. Sau khi chị H về, N lấy xe mô tô biển kiểm soát x và điện thoại di động của chị H , còn số tiền 450.000 đồng N để lại trên bàn, sau đó T cất giữ. Sau khi được xe ôm đưa về, chị H đến Công an xã H , huyện C trình báo và đến bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu để khám thương tích do bị N đánh.

Đến ngày 15 tháng 3 năm 2020 sau khi biết chị H báo Công an, N đem xe mô tô của chị H đến cầu P đập phá rồi bán cho người mua ve chai dạo được số tiền 150.000 đồng tiêu xài cá nhân, riêng điện thoại di động do không bán được nên N vứt bỏ không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định số 87-420/TgT ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Trung tâm Pháp y sở Y tế tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của chị H xác định:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: đau đầu vùng chẩm, cột sống cổ đã hết, cơ chế hình thành vết thương là do vật tày gây ra; sây sát da sau tay trái đã hết, không còn để lại thương tích, cơ chế hình thành vết thương là do vật tày gây ra;

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 0%;

Bản kết luận định giá số 538/KL-HĐĐG ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá huyện C , tỉnh Bến Tre kết luận xe mô tô kiểm soát x trị giá 600.000 đồng, điện thoại di động không rõ nhãn hiệu trị giá 00 đồng.

Quá trình điều tra, Tạ Trần Thu Th đã tự nguyện bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho chị H , đồng thời T cũng không yêu cầu N trả lại cho mình số tiền này.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C , đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01-02-2021 bị cáo Nguyễn Thanh N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Về nội dung: bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp, bản thân bị cáo có bị xử phạt hành chính nên không đủ điều kiện được hưởng án treo, hình phạt 01 năm tù là tương xứng nên được giữ nguyên. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng. Bị cáo phạm tội giản đơn giá trị chiếm đoạt chỉ 1.050.000 đồng, về động cơ không có mục đích tư lợi, chỉ muốn giúp cho chị T lấy được tiền cho vay. Tuy bị cáo có tiền sự nhưng không có tiền án, bị cáo cung cấp thêm có bác được tặng thưởng Huân chương, chị H có đơn bãi nại cho bị cáo, do chị H không có giấy chứng minh nhân dân nên xã không xác nhận đơn, nhưng chị H có chữ ký trong hồ sơ đề nghị xem xét, bị cáo chấp hành tốt pháp luật ở địa phương, không vi phạm gì thêm (có xác nhận của địa phương), đề nghị xem thêm cho bị cáo tình tiết bồi thường thiệt hại do bị cáo tự nguyện nộp 150.000 đồng để bồi thường cho bị hại nhưng do chị T đã bồi thường thay cho bị cáo. Đề nghị chung chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng: bị cáo biết lỗi, ăn năn hối cải, yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 14 tháng 3 năm 2020, tại nhà nghỉ Thu Th , thuộc ấp Đ , xã H , huyện C , tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thanh N có hành động dùng tay và ống nhựa đánh nhiều cái vào nón bảo hiểm và dùng lời nói lớn tiếng, hăm dọa nhằm uy hiếp tinh thần của chị Chung Thị H để ép buộc chị H đưa ra số tiền 450.000 đồng, xe mô tô biển kiểm soát x và điện thoại di động không rõ N nhãn hiệu. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.050.000 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn

Thanh N phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo có ông nội là liệt sĩ theo quy định tại điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Khi kháng cáo bị cáo cung cấp có bác được tặng Huân chương, tình tiết này không phù hợp để áp dụng cho bị cáo và chị H có đơn bãi nại cho bị cáo yêu cầu giảm nhẹ và cho bị cáo hưởng án treo nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không có cơ sở xem xét, tình tiết bồi thường thiệt hại không phù hợp để áp dụng. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là mức khởi điểm của khung hình phạt và về nhân thân bị cáo có bị xử phạt hành chính nên không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp nên được giữ nguyên theo như đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh N ; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2021/HS-ST ngày 19-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thanh N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân huyện C (3b);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã P, h.G (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh